

**Phụ lục số 08:**  
**VỀ GIÁ ĐẤT Ở BẨM CÁC TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH, ĐẦU MỐI GIAO**  
**THÔNG KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH, KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN**  
**HUYỆN ĐỊNH HÓA**

(Kèm theo QĐ số 72/2008/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của UBND tỉnh TN)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	TRỤC GIAO THÔNG, KHU DÂN CƯ	MỨC GIÁ
<b>I</b>	<b>TRỤC ĐƯỜNG 268</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Phú Tiến</b>	
1.1	Từ Km 2 + 950 (giáp đất Phú Lương) đến Km 3 + 870	160
1.2	Từ Km 3 + 870 đến Km 4	200
1.3	Từ Km 4 đến đầu cầu Đen	250
1.4	Từ đầu Cầu đen đến Km 5	300
1.5	Từ Km 5 đến Km 5 + 120	250
1.6	Từ Km 5 + 120 đến Km 8 + 820 (giáp đất Bộc Nhiêu)	200
<b>2</b>	<b>Xã Bộc nhiêu</b>	
2.1	Từ Km 8 + 820 (giáp đất Phú Tiến) đến Km 9 + 500	200
<b>3</b>	<b>Xã Trung Hội</b>	
3.1	Từ Km 9 + 500 (giáp đất Bộc Nhiêu) đến Km 10 + 900)	220
3.2	Từ Km 10 + 900 đến Km 11 + 600	230
3.3	Từ Km 11 + 600 đến Km 12 + 200	300
3.4	Từ Km 12 + 200 đến Km 12 + 400	350
3.5	Từ Km 12 + 400 đến Km 12 + 630	350
3.6	Từ Km 12 + 630 đến Km 13 + 30	420
3.7	Từ Km 13 + 30 đến Km 13 + 270	520
3.8	Từ Km 13 + 270 đến Km 13 + 500	750
3.9	Từ Km 13 + 500 đến Km 13 + 900	1.200
3.10	Từ Km 13 + 900 đến Trung tâm ngã ba Quán Vương (Km 14 + 50)	1.700
3.11	Từ Km 14 + 50 đến Km 14 + 100	1.800
3.12	Từ Km 14 + 100 đến Km 14 + 200	1.600
3.13	Từ Km 14 + 200 đến Km 14 + 300	1.300
3.14	Từ Km 14 + 300 đến Km 14 + 500	1.000
3.15	Từ Km 14 + 500 đến Km 14 + 800	900
3.16	Từ Km 14 + 800 đến Km 15 + 500	700
3.17	Từ Km 15 + 500 đến Km 16 + 400 (giáp đất Bảo Cường)	500
<b>4</b>	<b>Xã Bảo Cường</b>	
4.1	Từ Km 16 + 400 (giáp đất Trung Hội) đến đường rẽ UBND xã Bảo Cu-	700

	ờng (nhà ông Thao)	
4.2	Từ đường rẽ Bảo Cường (nhà ông Thao) đến đường rẽ xóm Đồng Mản (nhà ông Nhân)	800
4.3	Từ đường rẽ Đồng Mản (nhà ông Nhân) đến ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn)	950
4.4	Từ ngã ba đường rẽ Bảo Cường - Đồng Thịnh (nhà ông Sơn) đến đường rẽ vào thôn Khấu Bảo	1.000
4.5	Từ đường rẽ Thôn Khấu Bảo đến cầu Ba Ngạc	1.100
<b>5</b>	<b>Thị Trấn Chợ Chu</b>	
5.1	Từ cầu Ba Ngạc đến đường rẽ vào xóm Thâm Tý Bảo Cường	2.000
5.2	Từ đường rẽ xóm Thâm Tý Bảo Cường đến đường rẽ xóm Bãi Á2	3.000
5.3	Từ đường rẽ xóm Bãi Á 2 đến hết đất trạm Vật tư huyện	2.800
5.4	Từ giáp đất trạm Vật tư đến hết đất Chợ Tân Lập	3.200
5.5	Từ giáp đất Chợ Tân Lập đến đường rẽ vào khối cơ quan Đoàn thể	3.500
5.6	Từ đường rẽ Khối cơ quan Đoàn thể đến cách Ngã tư trung tâm huyện 50 m	4.000
5.7	Ngã tư trung tâm huyện + 50 m đi các phía (UBND huyện; Ngã ba Lương thực; Thái Nguyên	4.500
5.8	Từ cách ngã tư Trung tâm huyện 50 m đến đường rẽ vào trường PTTH	4.000
5.9	Từ đường rẽ vào trường PTTH đến đầu Cầu mới	3.200
5.10	Từ đường đầu Cầu mới đến cách ngã ba Lương thực 50 m	3.300
5.11	Ngã ba Lương thực + 50 m đi các phía	3.500
5.12	Từ cách ngã ba Lương thực 50 m đến hết Cửa hàng xăng dầu số 22	2.000
5.13	Từ Cửa hàng xăng dầu số 22 đến cách ngã ba xóm Nà Lài 50 m	1.200
5.14	Ngã ba Nà Lài + 50 m đi các phía	1.500
5.15	Từ cách ngã ba Nà Lài 50 m đến đường rẽ vào xóm Nà Lài (đường rẽ vào nhà ông Thịnh)	450
5.16	Từ cách ngã ba Nà Lài 50 m đến đường rẽ Ao Nặm Cắm	400
5.17	Từ đường rẽ Ao Nặm Cắm đến Km 20 + 600 (giáp đất Kim Sơn)	300
<b>6</b>	<b>Xã Kim Sơn</b>	
6.1	Từ Km 20 + 600 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 24 + 300	300
6.2	Từ Km 24 + 300 đến Km 24 + 700 (cách ngã ba Quy Kỳ 50 m)	350
6.3	Từ Km 24 + 700 đến Km 24 + 800	400
6.4	Từ Km 24 + 800 đến Km 25	350
6.5	Từ Km 25 đến Km 25 + 300 (giáp đất Quy Kỳ, đường đi Chợ Đồn)	300
<b>7</b>	<b>Xã Quy Kỳ</b>	
7.1	Từ Km 25 +300 đến giáp đất huyện Chợ Đồn	120
<b>II</b>	<b>Trục phụ đường 268</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Bảo Cường</b>	
1.1	Từ đường 268(cạnh nhà ông Thao) rẽ vào UBND xã Bảo Cường	
1.1.1	Từ đường 268 vào 50 m	400

1.1.2	Cách đường 268 50 m + 150 m tiếp theo	350
1.1.3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	300
1.2	Đường liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh	
1.2.1	Từ đường 268 vào 50 m	400
1.2.2	Cách đường 268 50m + 150 m tiếp theo	350
1.2.3	Đoạn còn lại đến cách ngã tư trung tâm xã 50 m	300
1.2.4	Ngã tư trung tâm xã + 50 m về phía đường 268 (cả 2 đường)	350
1.3	Đoạn rẽ về phía xã Đồng Thịnh	
1.3.1	Ngã tư trung tâm xã Bảo Cường + 50 m đi Đồng Thịnh	200
<b>2</b>	<b>Thị Trấn Chợ Chu</b>	
2.1	Từ đường 268 rẽ vào đường bê tông công khối cơ quan Đoàn thể	2.500
2.2	Cách đường 268: 50 m đến cổng UBND huyện	3.000
2.3	Cổng UBND huyện đến giáp Đài tưởng niệm	2.000
2.4	Ngã tư trung tâm huyện đi Phố Tân Thành	
2.5	Ngã tư trung tâm huyện vào 30 m	2.500
2.6	Cách ngã tư trung tâm huyện 30 m đến ngã ba Dốc Châu	1.800
2.7	Từ đường 268 đến cổng trường P.T.T.H	1.800
2.8	Từ cổng trường P.T.T.H đến hết xóm Hợp Thành	700
2.9	Cách ngã ba Lương thực 50 m đến đường rẽ vào TT Y tế huyện	2.000
2.10	Đường rẽ vào đến cổng trung tâm Y tế	2.000
2.11	Từ đường rẽ vào trung tâm Y tế + 50 m về phía Cầu Góc Găng	2.000
2.12	Đoạn còn lại đến đầu Cầu Góc Găng	1.000
2.13	Từ Cầu Góc Găng đến cách góc đa Chợ Chu 50 m	1.200
2.14	Từ Góc đa Chợ Chu + 50 m đi các phía	1.500
2.15	Các đoạn đường còn lại đi các phố Hoà Bình, Thống Nhất, Đoàn Kết	1.000
2.16	Từ cách Góc đa Chợ Chu 50 m đến đỉnh Dốc Châu	1.000
2.17	Từ đỉnh Dốc Châu đến hạt Kiểm Lâm huyện	700
2.18	Từ cổng hạt Kiểm Lâm huyện đến đường 268 (đường cũ)	500
2.19	Đoạn đường bê tông (từ đường vào trường T.H.P.T sang đến đường vào UBND huyện)	1.500
2.20	Các đường còn lại thuộc thị trấn Chợ Chu	
	- Đường rộng $\geq 3,5$ m	300
	- Đường rộng $\leq 3,5$ m nhưng lớn hơn 2,5 m	200
<b>3</b>	<b>Xã Kim Sơn</b>	
3.1	Từ Ngã ba Quy Kỳ + 50 m (Đi chợ Quy Kỳ)	400
3.2	Cách ngã ba Quy Kỳ 50 m đến giáp đất Quy Kỳ (đường vào chợ Quy Kỳ)	300
<b>III</b>	<b>Đường 264 (hướng Bình Thành đi Quán Vuông)</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Bình Thành</b>	
1.1	Từ Km 12 + 800 (giáp Đại Từ) đến Km 13 + 700	250
1.2	Từ Km 13 + 700 đến Km 14 + 600	230
1.3	Từ Km 14 + 600 đến Km 15 + 700	240

1.4	Từ Km 15 + 700 đến Km 16 + 500	220
1.5	Từ Km 16 + 500 đến Km 17 + 200	300
1.6	Từ Km 17 + 200 đến Km 17 + 900	270
1.7	Từ Km 17 + 900 đến Km 19 + 100	300
1.8	Từ Km 19 + 100 đến Km 19 + 600 (giáp đất Sơn Phú)	250
<b>2</b>	<b>Xã Sơn Phú</b>	
2.1	Từ Km 19 + 600 (giáp đất Bình Thành) đến Km 21 + 300	250
2.2	Từ Km 21 + 300 đến Km 21 + 700	350
2.3	Từ Km 21 + 700 đến Km 22 + 200	380
2.4	Từ Km 22 + 200 đến Km 22 + 700	150
2.5	Từ Km 22 + 700 đến Km 23 + 400 (giáp đất Trung Lương)	200
<b>3</b>	<b>Xã Trung Lương</b>	
3.1	Từ Km 23 + 400 (giáp đất Sơn Phú) đến Km 24 + 200	250
3.2	Từ Km 24 + 200 đến Km 24 + 900	350
3.3	Từ Km 24 + 900 đến Km 26 + 100	450
<b>4</b>	<b>Xã Bình Yên</b>	
4.1	Từ Km 26 + 100 đến Km 26 + 200	520
4.2	Từ Km 26 + 200 đến Km 26 + 250	550
4.3	Từ Km 26 + 250 đến Km 26 + 300	800
4.4	Từ Km 26 + 300 đến trung tâm ngã ba Bình Yên	1.100
4.5	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Phú Đình	1.100
4.6	Từ Trung tâm ngã ba Bình Yên + 100 m đi Quán Vuông (Km 26 + 500)	1.100
4.7	Từ Km 26 + 500 đến Km 26 + 600	1.000
4.8	Từ Km 26 + 600 đến Km 26 + 700	950
4.9	Từ Km 26 + 700 đến Km 26 + 800	900
4.10	Từ Km 26 + 800 đến Km 27 + 200	850
<b>5</b>	<b>Xã Trung Lương (tiếp)</b>	
5.1	Từ Km 27 + 200 đến Km 28 + 800	700
5.2	Từ Km 28 + 800 đến Km 29 + 300	800
5.3	Từ Km 29 + 300 đến Km 29 + 800 (giáp đất Trung Hội)	750
<b>6</b>	<b>Xã Trung Hội</b>	
6.1	Từ Km 29 + 800 (giáp đất Trung Lương) đến Km 30 + 400	800
6.2	Từ Km 30 + 400 đến Km 30 + 500	700
6.3	Từ Km 30 + 500 đến Km 30 + 850	1.000
6.4	Từ Km 30 + 850 đến Km 30 + 900	1.200
6.5	Từ Km 30 + 900 đến Km 31 (ngã ba Quán Vuông)	1.400
<b>IV</b>	<b>Đường ATK Bình Yên - Phú Đình (Đường 264B)</b>	
<b>1</b>	<b>Xã Bình Yên</b>	
1.1	Từ Km 0 +100 đến Km 0 +300	650
1.2	Từ Km 0 + 300 đến Km 0 + 600	300

1.2	Từ Km 0 + 600 đến Km 1 + 500	200
1.3	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 900	300
1.4	Từ Km 1 + 900 đến Km 2 (Ngã ba Đá Bay)	370
1.5	Từ Km 2 (Ngã ba Đá Bay) + 100 về các phía	370
1.6	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 (giáp đất xã Diêm Mặc)	150
<b>2</b>	<b>Xã Diêm Mặc</b>	
2.1	Từ Km 3 (giáp đất Bình Yên) đến Km 4 + 400	160
2.2	Từ Km 4 + 400 đến Km 4 + 600	200
2.3	Từ Km 4 + 600 đến Km 4 + 900	160
2.4	Từ Km 4 + 900 đến Km 5 + 500	500
2.5	Từ Km 5 + 500 đến Km 5 + 600	450
2.6	Từ Km 5 + 600 đến Km 5 + 800	400
2.7	Từ Km 5 + 800 đến Km 5 + 900	350
2.8	Từ Km 5 + 900 đến Km 6 + 00	300
2.9	Từ Km 6 + 00 đến Km 6 + 400	250
2.10	Từ Km 6 + 400 đến Km 6 + 800	200
2.11	Từ Km 6 + 800 đến giáp đất xã Phú Đình (Km 6 + 900)	160
<b>3</b>	<b>Xã Phú Đình</b>	
3.1	Từ Km 6 + 900 (giáp đất Diêm Mặc) đến Km 7 + 100	160
3.2	Từ Km 7 + 100 đến Km 7 + 200	190
3.3	Từ Km 7 + 200 đến đầu cầu Nạ Tiên	240
3.4	Từ đầu cầu Nạ Tiên đến Km 7 + 750	200
3.5	Từ Km 7 + 750 đến Km 8 + 300	240
3.6	Từ Km 8 + 300 đến Km 8 + 900	260
3.7	Từ Km 8 + 900 đến Km 9 + 200	280
3.8	Từ Km 9 + 200 đến Km 9 + 600	350
3.9	Từ Km 9 + 600 đến Km 9 + 900	280
3.10	Từ Km 9 + 900 đến Km 10 + 150	260
3.11	Từ Km 10 + 150 đến Km 11 + 800	250
3.12	Từ Km 11 + 800 đến Km 11 + 950	270
3.13	Từ Km 11 + 950 đến Km 12 + 500	320
3.14	Từ Km 12 + 500 đến Km 13 + 400	300
3.15	Từ Km 13 + 400 đến Km 13 + 750 (Ngã ba đi Tuyên Quang)	320
3.16	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 m đi các phía	260
3.17	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 m đi Khuôn Tát (đến cây đa)	160
3.18	Từ ngã ba đi Tuyên Quang + 100 đến giáp đất Tuyên Quang	160
<b>V</b>	<b>Đường Liên xã Chợ Chu-Lam Vỹ</b>	
<b>1</b>	Từ cầu Góc sung đến đường rẽ vào Chùa hang + 50 m đi vào Phụng Tiên	400
<b>2</b>	Cách đường rẽ chùa hang 50 m đến giáp đất Phụng Tiên	200
<b>3</b>	Từ đất Phụng Tiên đến ngã ba Cầu tràn Tân Dương	290

4	Từ Cầu tràn Tân Dương đến Km 2	210
5	Từ Km 2 đến ngã ba đường vào xóm 5A, 5B	220
6	Từ ngã ba đường xóm 5A, 5B đến Km 3	230
7	Từ Km 3 đến Km 4	220
8	Từ Km 4 đến Km 5 (giáp đất Tân Thịnh)	210
9	Từ Km 5 (giáp đất Tân Dương) đến Cầu Đồng Khiếu	150
10	Từ Cầu Đồng Khiếu đến cột điện cao thế 98 đường dây 376	175
11	Cột điện cao thế 98 đường dây 376 đến trạm biến áp trung tâm	200
12	Từ trạm biến áp trung tâm đến cầu tràn Hát Mây	130
13	Từ cầu tràn Hát Mây đến giáp đất Lam Vỹ	110
14	Từ đất Lam Vỹ đến Cầu Nghiu	100
15	Từ Cầu Nghiu đến cột điện hạ thế (nhà ông Thanh)	130
16	Từ cột điện hạ thế (nhà ông Thanh) đến cột điện thoại (nhà ông Xanh)	170
17	Từ cột điện thoại (nhà ông Xanh) đến công chợ Lam Vỹ	250
18	Từ công chợ Lam Vỹ đến cột hạ thế (nhà ông Hiệp)	200
19	Từ cột hạ thế đến cầu Trung Tâm	200
20	Từ cầu Trung Tâm đến đường rẽ trường Tiểu học (ngã ba Trung Tâm)	170
21	Từ đường rẽ trường Tiểu học đến công qua đường (nhà ông Hoàn)	130
22	Từ công qua đường (nhà ông Hoàn) đến công qua đường (nhà ông Quý)	150
23	Từ công qua đường (nhà ông Quý) đến giáp đất xã Linh Thông	100
24	Từ ngã ba Trung tâm đến công trường trung học cơ sở xã Lam Vỹ	180
<b>VI</b>	<b>Đường liên thôn xóm (Từ đầu cầu treo Tân Thịnh đến hết đất làng Duyên xã Tân Thịnh)</b>	
1	Từ đầu cầu treo đến cột hạ thế trung tâm số 69	100
<b>VII</b>	<b>Trục đường liên xã Thanh Định - Bảo Linh</b>	
1	Từ đăm Đá bay đến cột cao thế 473/04 (xóm Khuẩn Nghè)	200
2	Từ cột cao thế 473/04 đến cột cao thế 473/07 (xóm Khuẩn Nghè)	160
3	Từ cột cao thế 473/07 (xóm Khuẩn Nghè) đến cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thảm Thìa)	200
4	Từ cột điện cao thế số 473/11 (xóm Thảm Thìa) đến cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao	250
5	Từ cột điện hạ thế số 6 xóm Nạ Mao đến cầu Phươn Thanh Xuân	200
6	Từ cầu Phươn Thanh Xuân đến ngã ba Văn Lang + 100 m hướng đi xã Bảo Linh	250
7	Từ ngã ba Văn Lang + 100 m đến cột hạ thế số 5 (xóm Nạ Chèn)	200
8	Từ cột hạ thế số 5 xóm Nạ Chèn đến giáp đất Bảo Linh	160
<b>VIII</b>	<b>Trục đường liên xã Quy Kỳ - Linh Thông - Lam Vỹ</b>	
1	Từ giáp đất Kim Sơn đến kho lương thực cũ	300
2	Từ kho lương thực cũ đến Km 4 + 200 (giáp đất Linh Thông)	160
3	Từ Km 4 + 200 đến Km 7 + 350	100
4	Từ Km 7 + 350 đến Km 10 + 200	160



5	Từ Km 10 + 200 đến Km 11 (giáp đất Lam Vỹ)	100
<b>IX</b>	<b>Trục đường liên xã Phúc Chu - Bảo Linh</b>	
1	Cách ngã ba Nà Lại 50 m đến hết đất nhà ông Bạch	900
2	Từ nhà ông Bạch đến giáp đất Phúc Chu	400
3	Từ Km 0 + 660 (giáp đất Chợ Chu) đến Km 1 + 130	180
4	Từ Km 1 + 130 đến Km 1 + 850	200
5	Từ Km 1 + 850 đến Km 6 + 200 (giáp đất Bảo Linh)	160
6	Từ Km 6 + 200 đến đường rẽ đi Khuổi Trao	160
7	Từ đường rẽ đi Khuổi Trao đến Cầu đập chính	200
8	Từ Cầu đập chính đến cách ngã ba Đồng Rằm 50 m	160
9	Từ ngã ba Đồng Rằm đi các phía 50 m	200
10	Từ ngã ba Đồng Rằm + 50 m đến giáp đất Bảo Linh	160
11	Từ giáp đất Định Biên đến cách ngã ba trạm điện số 1 (100 m)	160
12	Từ công chợ Trung tâm Cùm xã Bảo Linh đi Định Biên 50 m; Đi UBND xã Bảo Linh 100 m	200
13	Cách chợ trung tâm cùm xã 100 m đến cách ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh 100 m	170
14	Từ ngã ba trạm điện số 1 Bảo Linh về các phía 100 m	200
15	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh đi các phía 40 m	200
16	Từ ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh + 40 m đến giáp đất Thanh Định	160
17	Cách ngã ba rẽ trường T.H.C.S Bảo Linh 40 m đến công trường Tiểu học	160
<b>X</b>	<b>Đường liên xã Nà Guồng - Đồng Thịnh</b>	
1	Từ Km 0 đến Km 0 + 500	200
2	Từ Km 0 + 500 (giáp đất Trung Lương) đến Km 1 + 300 (cách chợ 100 m)	200
3	Từ Km 1 + 300 đến Km 1 + 500	160
4	Từ Km 1 + 500 đến Km 1 + 700	350
5	Từ Km 1 + 700 đến Km 2 + 100	300
6	Từ Km 2 + 100 đến Km 3 + 200 (giáp đất Định Biên)	160
7	Từ Km 3 + 200 đến giáp đường liên xã Phúc Chu-Bảo Linh	160
<b>XI</b>	<b>Đường liên xã Bảo Cường - Đồng Thịnh</b>	
1	Từ ngã tư trung tâm xã Bảo Cường+50 m đến giáp đất Đồng Thịnh	160
2	Từ giáp đất Bảo Cường đến công trường T.H.C.S Đồng Thịnh	160
3	Từ công trường T.H.C.S đến đập tràn Thác Lầm	200
4	Từ đập tràn Thác Lầm đến ngã ba An Thịnh 1	160
<b>XII</b>	<b>Đường liên xã Tân Dương - Phụng Tiến - Trung Hội</b>	
1	Từ Km 0 (cầu Trần Tân Dương) đến Km 2 (cầu Nạ Nàng)	260
2	Từ Km 2 (cầu Nạ Nàng) đến Km 4	230
3	Từ Km 4 đến Km 6 + 400	200
4	Từ Km 6 + 400 đến Km 9	160
5	Từ Km 9 đến giáp đường 268	250

<b>XIII</b>	<b>Đường liên xã Chợ Chu - Kim Phụng</b>	
<b>1</b>	Từ ngã ba đường rẽ Kim Phụng đến hết đất Chợ Chu	200
<b>2</b>	Từ cột điện số 7 (giáp Chợ Chu) đến Trạm BT Cạm Phước + 200 m	160
<b>3</b>	Cách Trạm biến thế Cạm Phước + 200 m đến đầu Cầu treo liên xã Kim Phụng - Lam Vỹ	200
<b>4</b>	Từ Cầu treo liên xã Kim Phụng đến Bản Lác (bia di tích lịch sử thành lập chính quyền huyện Định Hoá)	160
<b>5</b>	Từ Cầu treo liên xã Kim Phụng đến giáp đất Lam Vỹ (Đèo Bồn)	160
<b>XIV</b>	<b>Đường liên xã Bộc Nhiêu - Bình Thành</b>	
<b>1</b>	Từ trục đường 268 rẽ đi Bộc Nhiêu + 50 m đến cột điện cao thế số 38	180
<b>2</b>	Từ cột điện cao thế số 38 đến đường rẽ lên Eo Đèo	200
<b>3</b>	Từ đường rẽ Eo Đèo lên hết đất Việt Nhiêu	160
<b>4</b>	Từ cầu trung tâm xã + 500 m đi các phía	200
<b>5</b>	Từ trục rẽ Nạ Lặng đến hết đất Vân Nhiêu	180
<b>XV</b>	<b>Xung quanh các chợ nông thôn còn lại có mặt tiền bám chợ (chợ thành lập theo quyết định của UBND tỉnh)</b>	300